



Giải pháp giảm sức ép thanh khoản

TS. HẠ THỊ THIẾU DAO

Về mặt lý thuyết để biết một ngân hàng có đủ thanh khoản hay không người ta dựa vào các dấu hiệu: (i) ngân hàng đang mất dần niềm tin đối với công chúng và đang mất các khoản tiền gửi vì các cá nhân và tổ chức cho rằng ngân hàng đang trong tình trạng nguy hiểm và không thể thực hiện các nghĩa vụ thanh toán; (ii) ngân hàng trả lãi suất cao hơn các ngân hàng cùng qui mô và địa bàn cho các khoản tiền gửi và các khoản vay mượn khác; (iii) ngân hàng bán những tài sản một cách vội vã với giá trị thấp đáng kể; (iv) ngân hàng khước từ một số hồ sơ vay vốn có đủ điều kiện; (v) ngân hàng thường xuyên vay mượn nhiều từ ngân hàng trung ương.

Dựa trên cơ sở lý thuyết đó, chúng ta thử nhận diện diễn biến của thị trường tiền tệ trong những tháng đầu năm 2008 vừa qua để trả lời câu hỏi các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam có rơi vào tình trạng thiếu thanh khoản hay không? Tại sao các ngân hàng Việt Nam lại rơi vào tình trạng đó và có giải pháp nào để tránh diễn ra tình trạng tương tự hay không?

Dấu hiệu thứ nhất. Thời gian vừa qua, thị giá của cổ phiếu ngân hàng đã giảm rất nhiều, cổ phiếu của nhiều ngân hàng có thị giá thấp hơn mệnh giá. Điều này cũng chưa thể nói ngân hàng đã giảm dần uy tín đối với khách hàng mặc dù đã có phiếu ngân hàng thể hiện uy tín và hiệu quả kinh doanh, có bao gồm yếu tố rủi ro của ngân hàng bởi vì: (i) thị giá cổ phiếu ngân hàng giảm theo bối cảnh chung của sự sụt giảm trên thị trường chứng khoán (TTCK); (ii) các ngân hàng gặp nhiều khó khăn trong việc kinh doanh do phải thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt với việc tăng dự trữ bắt buộc, mua tín phiếu bắt buộc, giảm dự nợ cho vay chứng khoán, cho vay bất động sản (BDS); (iii) chưa có ngân hàng nào rơi vào trạng thái mất khả năng thanh toán nên khó có thể đánh giá dựa vào dấu hiệu này.

Dấu hiệu thứ hai, điểm lại thị trường tiền tệ trong những tháng đầu năm 2008 để thấy biến động lãi suất.

Ban đầu, lãi suất tăng từ 9-10%/ năm tăng vượt lên hơn 14% (Bảng 1)

Bảng 1: Lãi suất của một số ngân hàng trên địa bàn TP.HCM vào lúc 19:00 ngày 26/2/2008

Đơn vị: %/ năm

Ngân hàng	Kỳ hạn			
	1 tháng	3 tháng	9 tháng	12 tháng
Techcombank	14,2	14,2	14,2	14,2
Đông Á	11,40	12,36	12,72	13,56
Phường Nam		9,60		10,56
An Bình		13,65	13,8	
Việt Á		13,92		
Đông Nam Á				14,4

Nguồn: <http://vietnamnet.vn/kinhte/2008/02/1770557>

Đến 27/02/2008, Công điện 02 của ngân hàng nhà nước (NHNN) với lãi suất trần 12% ra đời trên bề nổi đã tạo một điểm dừng trên đường đua lãi suất. Tuy nhiên công điện này không có tác dụng lâu dài trong việc khống chế lãi suất vì: (i) người dân không mặn mòi gửi tiền vào ngân hàng khi tỷ lệ sinh lợi khá thấp; (ii) các ngân hàng phải tăng khuyến mãi để thu hút khách hàng gửi tiền vào; (iii) giới khoa học tranh luận sôi nổi về lãi suất thực dương và có nên giữ lãi suất danh nghĩa thấp hay không?

Ngày 16/05/2008 NHNN đã ban hành quyết định 16/2008/QĐ-NHNN về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Quyết định này đã đưa lãi suất biến động dần theo cung cầu thị trường dù chưa cho phép bù đắp được lạm phát. Từ 05/2008 đến 09/2008, các ngân hàng liên tục điều chỉnh tăng lãi suất để đáp ứng với sự thay đổi lãi suất trên thị trường, có khi lãi suất mới chỉ tồn tại vồn vẹn có một ngày. Diễn hình nhất có thể thấy biến động lãi suất của SCB (Bảng 2).

Bảng 2: Thống kê thời điểm thay đổi lãi suất của ngân hàng SCB

Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11
02/02/08	05/03/08	25/04/08	07/05/08	10/06/08	04/07/08	06/08/08	13/09/08	06/10/08	04/11/08
12/02/08	23/03/08	28/04/08	09/05/08	21/06/08	23/07/08	13/08/08	24/09/08	10/10/08	11/11/08
14/02/08		29/04/08	17/05/08	30/06/08	30/07/08	27/08/08	26/09/08	16/10/08	18/11/08
18/02/08			19/05/08				30/09/08	25/10/08	28/11/08
20/02/08			28/05/08						
28/02/08			30/05/08						
29/02/08									

Nguồn: Website của SCB

Đỉnh điểm của cuộc đua mức lãi suất là việc Ngân hàng Kiên Long đưa ra mức lãi suất 20% vào ngày 30/06/2008, gần với mức tối đa mà cơ chế vận hành lãi suất cơ bản cho phép, 21%. Trước tình hình các ngân hàng khác rục rịch tăng theo NHNN đã yêu cầu các ngân hàng có lãi suất huy động trên 19%/năm phải điều chỉnh lãi suất và các ngân hàng có lãi suất trên 17,5%/năm phải giải trình chênh lệch doanh thu và chi phí.

Ngoài ra, các ngân hàng sáng tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng như tiết kiệm tuần, tiết kiệm 6, 5, 4, 3, 2 ngày, tiết kiệm qua đêm, tiết kiệm rút gốc linh hoạt...; lãi suất kỳ hạn ngắn cao so với lãi suất kỳ hạn dài; thưởng lãi suất; khuyến mãi.

Qua cuộc đua lãi suất này, một loạt câu hỏi được đặt ra: (i) tại sao các ngân hàng thay đổi lãi suất liên tục như vậy? (ii) Tại sao các ngân hàng chấp nhận lỗ khi đưa ra mức lãi suất huy động cao.

Có nhiều lý do để giải thích cho việc các ngân hàng tăng lãi suất:

(i) Kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng. Thời gian qua, hoạt động kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng khá sôi động. Các ngân hàng cho nhau vay đáp ứng nhu cầu thanh khoản với lãi suất tăng vọt. Như đã phân tích ở trên, có những thời điểm lãi suất trên thị trường liên ngân hàng rất cao (43%/năm) nhưng các ngân hàng thiếu thanh khoản vẫn phải vay. Do đó, nếu ngân hàng huy động được nguồn tiền gửi từ dân cư và tổ chức kinh tế thì lãi suất sẽ rẻ hơn so với đi vay trên thị trường liên ngân hàng. Riêng đối với các ngân hàng cho vay trên thị trường liên ngân hàng thì việc huy động giúp ổn định nguồn hơn và tăng khả năng kinh doanh trên thị trường này đồng thời cũng giúp mở rộng được quy mô khách hàng tiền gửi. Như vậy, lý do này dường như đúng cho cả ngân hàng đang đi vay và các ngân hàng cho vay trên thị trường liên ngân hàng.

(ii) Giữ thị phần và thị trường khách hàng tiền gửi. Cuộc tranh giành các ngân hàng, giữ khách hàng, ngân dòng vốn chạy từ ngân hàng mình sang ngân hàng khác. Cuộc tranh giành giữa các ngân hàng trong giai đoạn này vô cùng khốc liệt vì: (i) không có nhiều

khác biệt giữa ngân hàng. Hoạt động ngân hàng minh bạch hơn, mạng lưới giao dịch của các NHTM tiện lợi hơn, uy tín giữa các khối NHTM Nhà nước, NHTM cổ phần được đảm bảo và ngang nhau, nên ngân hàng nào có lãi suất hấp dẫn, có lãi suất cao thì người dân tìm đến gửi tiền. Các điểm giao dịch của các ngân hàng mở ra liên tục hình thành các trục phố ngân hàng như Bạch Đằng - Phan Đăng Lưu, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Nguyễn Công Trứ... thậm chí tại một số nơi các điểm giao dịch của ngân hàng gần kề nhau hoặc đối diện nhau nên người gửi tiền có cơ hội so sánh và chọn lựa. Đặc biệt trước đây lãi suất huy động vốn của các NHTM Nhà nước thấp hơn lãi suất của các NHTM cổ phần, thì nay đang sát nút, tương đương nhau, các NHTM Nhà nước cũng chạy theo các ngân hàng NHTM cổ phần tăng lãi suất để giữ thị phần tiền gửi

(iii) Thiếu thanh khoản. Có thể nói, đây là lý do chủ chốt kéo theo nó một loạt các hệ lụy. Hàng loạt các chỉ đạo của NHNN cũng như các động tác của NHTM ngoài thực hiện chủ trương của Chính phủ là kiểm chế lạm phát thì mục tiêu hướng đến chính là ổn định hệ thống ngân hàng, tránh những phản ứng dây chuyền.

Như vậy, trong số các lý do ở trên thiếu thanh khoản là thuyết phục hơn cả. Kết luận này cũng phù hợp với những dấu hiệu thiếu thanh khoản xuyên suốt phần phân tích ba dấu hiệu còn lại.

Dấu hiệu thứ ba, không đủ thông tin để đánh giá được việc bán rẻ tài sản của các NHTM vì tài sản của ngân hàng phần lớn là rủi ro cao nên rất nhạy cảm với thị trường và quan trọng hơn là vì hiện tại chưa có một tổ chức hoặc ngân hàng nào ở Việt Nam đánh giá được giá trị tài sản và mức độ rủi ro tiềm ẩn của ngân hàng.

Dấu hiệu thứ tư, ngân hàng khước từ hồ sơ vay vốn dù điều kiện của khách hàng. Thời gian qua, tăng trưởng tín dụng tại các NHTM khá thấp so với tỷ lệ khống chế tăng trưởng tín dụng của NHNN. Theo báo cáo của NHNN chi nhánh TPHCM thì trong 10 tháng đầu năm 2008, tổng dư nợ trên địa bàn đạt 486.000 tỷ đồng (tăng 19.6% so với đầu năm), trong đó, dư nợ cho vay đầu tư, kinh doanh BDS đạt 61.000 tỷ đồng. Tăng trưởng tín dụng thấp là do: (i) chỉ đạo của NHNN về việc khống chế tăng dư nợ tín dụng không vượt quá 30%; (ii) lãi suất cho vay của ngân hàng khá cao so với suất sinh lời của khách hàng đi vay; (iii) Ngân hàng đưa ra thời hạn cho vay và trả nợ không phù hợp với luồng ngân lưu của khách hàng, thắt chặt điều kiện cho vay cũng như mục đích sử dụng vốn. Các ngân hàng hạn chế cho vay, đặc biệt cho vay BDS. Việc này dẫn đến thị trường BDS đóng băng, TTCK ảm đạm, nhiều người đi vay khốn khổ.

Dấu hiệu thứ năm, các ngân hàng tăng cường vay mượn của NHNN và ngân hàng khác:

Trong tháng 02/2008, NHNN đã bơm ra khoảng gần trăm ngàn tỷ đồng qua thị trường mở với 2 phiên mua/bán giấy tờ có giá một ngày, liên tục nhiều ngày trong tuần với lãi suất trần được ấn định từng phiên và các ngân hàng đầu thầu khối lượng. Từ 02/05/08 số phiên giao dịch tăng lên hai phiên một tuần. Điều này làm cho thị trường sôi động khác hẳn trước đây chỉ có một phiên giao dịch một tuần.

Trên thị trường liên ngân hàng lãi suất tăng đột biến (Bảng 3), đỉnh điểm vào ngày 19/02/2008 lãi suất vay qua đêm đã lên tới 43%/năm. Dù lãi suất tăng cao như vậy nhưng các NHTM có phần nhỏ vẫn vay vốn qua kênh này vì không có hàng hóa để giao dịch hoặc không có lượng vốn lớn để có thể giao dịch trên thị trường mở.

Bảng 3: Thống kê lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng

	Trung bình	Thấp nhất	Cao nhất
Tháng 1	8,44	6,27	14,87
Tháng 2	13,78	10,39	16,13
Tháng 3	6,19	6,08	12,2
Tháng 4	12,29	8,31	17,13
Tháng 5	13,98	14,39	18,31
Tháng 6	17,1	14,8	18,77
Tháng 7	18,74	16,68	20,59
Tháng 8	16,80	16,36	19,55

Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán từ lãi suất qua đêm trung bình ngày do NHNN công bố

Như vậy, rõ ràng các NHTM đã rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản khi những dấu hiệu của thiếu hụt thanh khoản đều thấy rõ. Tại sao các ngân hàng lại rơi vào tình trạng thiếu thanh khoản?

Theo lý thuyết, ngân hàng thường thiếu thanh khoản do: (i) tình trạng mất cân đối về thời hạn giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; (ii) có sự chênh lệch lớn về lãi suất giữa ngân hàng này và ngân hàng khác hoặc có sự chênh lệch lớn giữa lãi suất ngân hàng và lãi suất sinh lợi từ các khoản đầu tư khác.

Nguyên nhân thứ hai được loại trừ vì trong thời điểm này các ngân hàng đang so kè nhau lãi suất và TFKK đang trên đà giảm sút, thị trường BDS đóng băng

thị trường vàng bấp bênh; hiếm có lĩnh vực sản xuất nào đem lại suất sinh lợi cao hơn hoặc bằng lãi suất ngân hàng. Do vậy không có việc người gửi tiền rút tiền từ ngân hàng chuyển sang đầu tư lĩnh vực khác có suất sinh lợi cao hơn.

Như vậy đã có tình trạng mất cân đối về thời hạn giữa nguồn vốn và sử dụng vốn xảy ra đối với ngân hàng. Nguyên nhân sâu xa là trong một thời gian dài các ngân hàng không chú ý đến quản trị

rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và quản lý nguồn vốn. Nhìn vào báo cáo tài chính của các ngân hàng ta có thể thấy rõ điều này:

Thứ nhất, ngân hàng càng nhỏ tỷ lệ vay trên thị trường liên ngân hàng càng cao (Bảng 4). Điều này sẽ dẫn đến rủi ro thanh khoản cao khi có biến động trên thị trường tiền tệ các ngân hàng rút tiền gửi hoặc không cho vay tiếp các khoản vay ngắn hạn, buộc các ngân hàng phải đi vay trên thị trường liên ngân hàng đang có cấu tăng hoặc tăng lãi suất lên rất cao để huy động. Đây chính là phát súng lệnh cho cuộc đua lãi suất vào tháng 2/2008.

Thứ hai, nhiều ngân hàng có tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trên 50%, các ngân hàng nhỏ có tỷ lệ tăng trưởng tín dụng khá cao so với tăng huy động (Bảng 4). Tốc độ tăng đó thường ẩn chứa rủi ro lớn về tín dụng và thanh khoản vượt quá tầm kiểm soát của ngân hàng.

Thứ ba, dưới áp lực lợi nhuận, các NHTM chủ yếu sử dụng tiền huy động để cho vay chứ ít đầu tư vào giấy tờ có giá có thể giao dịch trên thị trường mở. Cơ cấu sử dụng vốn huy động như vậy đã không cho phép ngân hàng linh hoạt chuyển đổi thành khoản khi cần.

Ngoài nguyên nhân từ phía ngân hàng, vai trò của NHNN cũng nên đề cập đến:

Thứ nhất, nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng NHNN đã không có những chính sách nhằm giảm bớt tốc độ tăng tín dụng khá nóng bằng cách không thay đổi chính sách lãi suất trong suốt nhiều năm liền. NHNN cũng giữ tốc độ tăng cung tiền khá cao xuất hiện nguồn cung vốn rẻ làm mất mớng của lạm phát (Bảng 5 và 6). Nói cách khác, lạm phát tăng và lãi suất danh nghĩa không đổi, lãi suất thực trở nên âm và vốn vay trở nên rẻ tương đối, các nhà đầu tư mạnh tay đi vay để đầu tư vào chứng khoán và BĐS thổi lên những bong bóng đầu tư ở hai thị trường này. Hệ quả là các ngân hàng, không cưỡng lại được lợi nhuận thu được từ lãi tiền vay hai lĩnh vực trên đã tăng trưởng tín dụng lên đến mức báo động như trên đã phân tích.

Thứ hai, đến khi nhận ra được tính chất nghiêm trọng của vấn đề, NHNN đã đưa ra nhiều chính sách dồn dập và đột ngột khiến các ngân hàng tổn rất nhiều chi phí và bị động trong đối phó: (i) khởi động cuộc đua lãi suất để huy động tiền mặt đáp ứng yêu cầu của NHNN; (ii) vay qua đêm với lãi suất cao ngắt ngưỡng; (iii) hạn chế cho vay, đặc biệt cho vay BĐS kéo theo thị trường BĐS đóng băng, nhiều người đi vay khốn đốn; (iv) tăng lãi suất cho vay để bù đắp phần chi phí bỏ ra để huy động tiền, mua tín phiếu bất buộc, dự trữ bắt buộc khiến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bị đình trệ.

Thứ ba, trong tháng 02/2008 NHNN tăng số phiên giao dịch trên thị trường mở nhằm hỗ trợ

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính của các NHTM

Ngân hàng	Vốn điều lệ	Tiền gửi và cho vay tổ chức tín dụng khác	Huy động từ dân cư	Tỷ lệ tăng huy động	Tỷ lệ huy động từ thị trường liên ngân hàng	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	Dư nợ cho vay khách hàng	Tốc độ tăng trưởng tín dụng	Dư nợ so với huy động		
Năm	2007	2007	2006	2007	2007	2007	2006	2007	2007		
Gia đình	444,6	840	332,1	417	26%	66,8%	727,8	520,7	1049	125%	
Mỹ Xuyên	500	624,7	169,4	328,7	94%	65,9%	211,2	392,9	1258,5	220%	120%
Kiên Long	580	505,2	447,2	952,2	113%	34,7%	482,4	596,5	1344,4	125%	63%
Bắc Á	940	8587,5	1485,7	2255,2	52%	79,2%	4686,7	2764,2	4696,6	70%	123%
Việt Á	1162	3253,5	2529,4	4576,7	81%	41,6%	2061,5	2713	5743	112%	59%
Phước Nam	1925,7	5040	5336,3	9546,6	79%	34,6%	4821,9	4643	5828	26%	49%
SCB	1970	5323,7	3575,6	15970,5	347%	25,0%	3255,2	8395,4	19937,7	137%	53%
Quốc Tế	2000	12018,7	9813,5	17686,7	89%	40,5%	12846,6	9058,2	16611,7	83%	51%
Kỹ Thương	2521	8458,9	9566	24476,6	156%	25,7%	9303,6	8696	20486	136%	36%
ACB	2630	6994	29394,7	55283	88%	11,2%	29164,9	16958	31676	87%	31%
Exim	2800	1214	13141	22906	74%	5,0%	47466,9	10164,9	18378,5	81%	44%
Sacombank	4448,8	4508,9	17511	44231,9	153%	9,3%	1251,6	4811	7300	52%	11%

Nguồn: Tác giả tính toán từ công bố báo cáo tài chính năm của các NHTM

Bảng 5: Lạm phát, tăng cung tiền và tăng cung tín dụng của Việt 2002 - 2007 (%)

	2002	2003	2004	2005	2006	3/2007	6/2007	2007	Nguồn
Tỷ lệ lạm phát ¹	4,0	3,2	7,7	8,3	7,5	-	7,4		[1]
Tỷ lệ lạm phát ²	4,0	3,0	9,5	8,4	8,3	-		12,63	[2]
Thay đổi M ₂		24,9	29,5	29,7	33,6	39,4	42,7		[1]
Thay đổi tín dụng đối với nền kinh tế		28,4	41,6	31,7	25,4	31,6	36,8		[1]

Nguồn: [1] IMF Statistical Appendix; [2] website Tổng cục thống kê

Bảng 6: Thống kê thay đổi lãi suất cơ bản (%/năm)

Giá trị	11	12	13	14	12	8,75	8,25	7,80	7,50
Văn bản	2809/QĐ-NHNN ngày 20/11/2008	2559/QĐ-NHNN ngày 3/11/2008	2316/QĐ-NHNN ngày 20/10/2008	1317/QĐ-NHNN ngày 26/06/2008	1099/QĐ-NHNN ngày 16/05/2008	305/QĐ-NHNN ngày 30/1/2008	1746/QĐ-NHNN ngày 1/12/2005	93/QĐ-NHNN ngày 27/01/2005	2210/QĐ-NHNN ngày 27/02/2004

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ website NHNN, www.sbv.gov.vn.

Hộp 1: Các văn bản được NHNN đưa ra nhằm ổn định thị trường tiền tệ và kiểm chế lạm phát

- Chỉ thị 03/2007/CT-NHNN quy định về cho vay trong hoạt động chứng khoán được ban hành ngày 28/5/2007 và có hiệu lực từ tháng 1/2008.
- Quyết định số 187/2008/QĐ-NHNN ngày 16/01/2008 về việc điều chỉnh dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng.
- Quyết định số 305/QĐ-NHNN ngày 30/1/2008 về điều chỉnh lãi suất cơ bản bằng Đồng Việt Nam và Quyết định số 306/QĐ-NHNN ngày 30/1/2008 về điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu.
- Quyết định 03/2008/QĐ-NHNN của NHNN ban hành ngày 1/2/2008 thay thế Chỉ thị 03 về việc cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán.
- Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 13/2/2008 về việc phát hành tín phiếu NHNN bằng VND dưới hình thức bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng nhằm rút tiền từ lưu thông về.
- Công điện Số 02/CĐ-NHNN ngày 26/02/2008 về khống chế lãi suất tiền gửi dưới 12%/năm.
- Quyết định số 09/2008/QĐ-NHNN thu hẹp nhu cầu được vay vốn bằng ngoại tệ khống chế lãi suất tiền đô

Nguồn: Tổng hợp từ website NHNN - www.sbv.gov.vn

các ngân hàng rơi vào tình trạng thiếu vốn tạm thời cũng như giảm bớt sức nóng trên thị trường liên ngân hàng. Tuy nhiên, với cơ chế đầu thầu theo khối lượng, vô hình trung NHNN đã hạn chế việc tiếp cận nguồn vốn trên thị trường này đối với các ngân hàng nhỏ không có hoặc đã hết tín phiếu, trái phiếu để bán cho NHNN trong khi những ngân hàng này đang rất cần thanh khoản và phải vay lại từ các NHTM Nhà nước và các NHTM cổ phần lớn qua thị trường liên ngân hàng với lãi suất cao ngất ngưởng.

Thực trạng đó cho thấy: nếu các NHTM có chiến lược đầu tư tài chính hợp lý, có chiến lược quản trị thanh khoản hữu hiệu thì sẽ không phải điều đứng trước tác động từ chính sách thắt chặt tiền tệ như vừa nêu. Chính vì vậy, giải pháp đề ra:

- Cho các NHTM là: (i) cân đối tăng trưởng tín dụng và huy động hợp lý vừa đảm bảo cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn; (ii) đa dạng hóa tài sản đặc biệt là những tài sản có tính thanh khoản cao để chuyển đổi trên thị trường mở khi cần; (iii) đảm bảo một mức tăng trưởng tín dụng hợp lý và an toàn, tránh chạy theo lợi nhuận để trút vốn vào những nhà đầu tư trên các thị trường đang nóng, rủi ro cao; (iv) hạn chế việc vay các ngân hàng khác đặc biệt là vay trên thị trường liên ngân hàng để cho vay khách hàng.

- Cho NHNN: (i) Phải có cơ chế kiểm soát và biện pháp chế tài đối với những ngân hàng sử dụng vốn huy động để cho vay vượt quá mức cho phép; (ii) Công cụ lãi suất đặc biệt là lãi suất cơ bản cần được sử dụng linh

¹ Số liệu trung bình năm sau so với năm trước

² Tháng 12 năm sau so với năm trước

thị trường ĐỘNG SẢN

ThS. ĐỖ PHÚ TRẦN TÌNH

Đại học Quốc gia Tp.HCM

Nguyên nhân trực tiếp của khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua là do những sai lầm của hệ thống ngân hàng Mỹ đã cho vay quá dễ dãi, nhất là trong việc cấp tín dụng cho kinh doanh bất động sản (BDS). Khi lãi suất thấp và dễ vay mượn thì người ta đổ xô đi mua nhà, đẩy giá nhà cửa lên cao. Khi lãi suất cao thì thị trường giậm chân, người bán nhiều hơn người mua, đẩy giá nhà xuống thấp. Người đi vay mua nhà mất khả năng chi trả, mà lại không bán được nhà vì giá nhà xuống; họ phải bỏ cửa chạy lấy người. Người có chứng khoán bán tháo đẩy giá xuống theo. Các công ty môi giới đi vay để cho vay không còn khả năng chi trả. Những người bỏ tiền

vào các quỹ đầu tư rụi ro cao nhằm mua chứng khoán nhà cửa đòi tiền lại dẫn đến tình trạng là nhiều quỹ lớn mất khả năng chi trả. Bởi vì có nhiều mối liên hệ chằng chịt giữa người vay và nhiều thành phần cho vay trực tiếp cũng như gián tiếp, việc tụt dốc của thị trường BDS đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường tài chính nói chung. Mức độ lan tỏa và nghiêm trọng của vấn đề là do sự mua đi bán lại các công cụ tài chính phái sinh đã kéo quá nhiều các thành phần đầu tư, trong cũng như ngoài nước, vào cuộc chơi trong khi luật lệ của sân chơi thì vẫn thiếu sót hoặc không rõ ràng. Và cuối cùng, Ngân hàng Trung ương các nước phải vào cuộc để cứu các quỹ đầu tư.

hoạt để cung cấp cho thị trường tín hiệu về cung cầu tiền, về sức khỏe của nền kinh tế. Về lâu dài phải có cơ chế tính toán lãi suất hợp lý sao cho vừa đảm bảo quyền lợi người gửi tiền (bù được lạm phát, thực hiện lãi suất dương) vừa kích thích sản xuất. Để tính chính xác mức lãi suất này cần xác định cho được hai hàm tiền tệ cơ bản: hàm cung tiền và hàm cầu tiền; (iii) Tăng cường loại hàng hóa giao dịch để thu hút nhiều ngân hàng tham gia thị trường mở vì hiện thời hàng hóa của thị trường mở hiện khá nghèo nàn, chủ yếu là tín phiếu NHNN, trái phiếu Chính phủ... Các phương tiện giao dịch như các loại trái phiếu thời hạn ngắn, chứng khoán do bản thân các ngân hàng phát hành... vẫn chưa được giao dịch trên thị trường này. Hơn nữa, khối lượng tín phiếu NHNN còn quá nhỏ so với quy mô vốn của ngân hàng; (iv) Linh hoạt trong đấu thầu, có thể kết hợp đấu thầu khối lượng và đấu thầu lãi suất để đảm bảo cơ hội tiếp cận với thị trường mở bất kể quy mô đều có thể tiếp cận được với nguồn vốn một cách dễ dàng, không phải đi mua lại từ các ngân hàng lớn; (v) Đơn giản trong hoạt động của thị trường mở: đơn giản hóa các thủ tục đặt thầu, xét thầu, đăng ký, lưu ký giấy tờ có giá, lập hợp đồng mua bán giấy tờ có giá, quy trình giao

dịch qua mạng; (vi) Đặc biệt là các chính sách NHNN đưa ra cần cung cấp tín hiệu thị trường thay vì chạy theo thị trường như vừa qua.

Thực hiện các giải pháp này các NHTM sẽ giảm thiểu rủi ro thanh khoản cũng cố niềm tin của người dân vào hệ thống ngân hàng

Tài liệu tham khảo

1. Peter Rose (2001), Quản trị NHTM, Nhà Xuất bản Tài chính.
2. Thống kê lãi suất qua đêm, Ngân hàng Nhà nước, www.sbv.gov
3. Các văn bản pháp luật, Luật Việt Nam, www.luatvietnam.com.vn
4. Công bố báo cáo tài chính của các ngân hàng có nêu tên
5. IMF (2008), Vietnam Statistical Appendix.
6. "Thống kê lãi suất tại các NHTM tại TP. Hồ Chí Minh", <http://vietnamnet.vn/kinhte/2008/02/770557>
7. "Lãi suất ngân hàng Kiên Long lên đến 20%/năm", <http://www.vtc.vn/kinhdoanh/doanhnghiep/lai-suat-ngan-hang-kien-long-len-den-20nam/184309/index.htm>
8. "Lãi suất ngân hàng đã đến mức "cực kỳ nguy hiểm"", <http://www.vietnamnet.vn/kinhte/2008/02/770207/>